TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DUY TIÊN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 84/2022/QĐST-HNGĐ	*Duy Tiên, ngày 25 tháng 11 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 138/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022 về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con" giữa:

- *Nguyên đơn*: chị **Tạ Thị Lệ T,** sinh năm 1999; nơi ĐKNKTT: Tổ dân phố K, phường T, thị xã D, tỉnh Hà Nam; chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố S, phường Đ, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

- *Bị đơn*: anh **Phạm Văn N,** sinh năm 1994; địa chỉ: Tổ dân phố K, phường T, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật HN&GĐ

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 11 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bẩy) ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Tạ Thị Lệ T và anh Phạm Văn N.

2.Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: chị T và anh N xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Phạm Văn Tr, sinh ngày 13/01/2016 và cháu Phạm Thị Bích X, sinh ngày 22/12/2017. Chấp nhận sự thỏa thuận của chị T và anh N khi ly hôn giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Bích X, sinh ngày 22/12/2017, anh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Văn Tr, sinh ngày 13/01/2016 kể từ tháng 11/2022 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được và không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị T, anh N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Chị T, anh N và các thành viên trong gia đình không được ngăn cản anh N, chị T trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

2.2 Về tài sản chung; công sức; công nợ: chị T và anh N thống nhất không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.3 Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị T và anh N mỗi người phải chịu 75.000đ (bẩy mươi lăm nghìn đồng)

Chấp nhận sự thỏa thuận của đương sự để chị T chịu toàn bộ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Chị T được đối trừ khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2021/0000897 ngày 15/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh Hà Nam. Trả lại chị T số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam
- VKSND thị xã Duy Tiên
- Chi cục THADS thị xã Duy Tiên
- UBND phường T
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Tươi